

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2018

V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hào

2. Bà Hoàng Thị Hồng Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2018/HNGĐ-ST ngày 30/01/2018 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018 ngày 07/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: Khu 3, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị A T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: Khu 3, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị A T đã chung sống với nhau từ năm 2006 có làm thủ tục đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 45/2006 ngày 22/12/2006. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính, hay cãi vã nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh làm đơn xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung, tên các cháu là Nguyễn Huỳnh Thanh N sinh ngày 04/11/2007, Nguyễn Huỳnh Khánh N, sinh ngày 26/02/2012, sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị A T cố tình vắng mặt nên không có lời khai tại tòa:

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về tố tụng: Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Anh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Do chị Tiên vắng mặt tại Tòa và không có lời khai tại Tòa, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị T nhiều lần, nhưng chị T đều vắng mặt đây được coi như chị T tự tước bỏ quyền trình bày tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung: Anh Nguyễn Thanh V và chị Huỳnh Thị A T có đăng ký kết hôn với nhau, tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 45/2006 ngày 22/12/2006, nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp.

2.1). Yêu cầu của anh V xin được ly hôn với chị T. Vì anh V cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Anh V đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn với chị T tại Tòa án, sau đó anh rút đơn mục đích để hòa giải đoàn tụ, nhưng không có kết quả, nay anh kiên quyết xin được ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho anh V được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2). Về nuôi con chung: Anh V đồng ý giao 02 con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vì hiện tại 02 cháu đang sống chung với chị T. Xét thấy yêu cầu của anh V phù hợp với nguyện vọng của cháu N, nên có cơ sở chấp nhận

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/02 cháu. Vì hiện tại anh cũng đang đưa cho chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Xét thấy căn cứ vào quy định của pháp luật về mức lương tối thiểu, vào thu nhập của anh V, nên việc anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở để chấp nhận.

2.3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Theo anh V trình bày là tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Theo anh V trình bày là tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4). Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.5). Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các điều 28; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ các điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.1). Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh V và chị Huỳnh Thị A T.

2.2). Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Thanh N, sinh ngày 04/11/2007 và cháu Nguyễn Huỳnh Khánh N, sinh ngày 26/02/2012 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/02 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2018 đến khi các con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh V không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

3]. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh V đã nộp tại biên lai thu tiền số 000894 ngày 30/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Còn lại anh V phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật

Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến